TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **38**/2023/QĐST-DS	*Châu Thành, ngày 17 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 156/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Văn B;** sinh năm: 1972

Bà **Chế Thị Kim T**; Sinh năm: 1980

Cùng địa chỉ: 131/4, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: Bà **Huỳnh Hồng Th;** sinh năm: 1963;

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre

Bà **Trần Thị Diệu H;** Sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Huỳnh Hồng Th và chị Trần Thị Diệu H thừa nhận còn nợ và đồng ý liên đới trả cho vợ chồng chị Chế Thị Kim T, anh Lê Văn B số tiền là 180.000.000 đồng (*một trăm tám mươi triệu đồng*). Ghi nhận chị T, anh B không yêu cầu tính lãi số tiền nêu trên.

Về thời gian trả nợ các bên thoả thuận như sau:

Vào ngày 30/7/2023: Chị H và bà Th liên đới trả cho vợ chồng chị T, anh B số tiền là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*);

Vào ngày 30/8/2023: Chị H và bà Th liên đới trả cho vợ chồng chị T, anh B số tiền là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*);

Vào ngày cuối cùng của những tháng tiếp theo: Chị H và bà Th liên đới trả cho vợ chồng chị T, anh B mỗi tháng là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) cho đến khi trả hết nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: án phí dân sự hòa giải thành là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng); Bà Th và chị H phải nộp số tiền án phí nêu trên, nhưng do bà Thuý là người cao tuổi nên được miễn án phí. Chị H phải nộp số tiền án phí là 2.250.000 đồng (*hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện C hoàn lại cho chị Chế Thị Kim T, anh Lê Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.193.000 đồng (*năm triệu một trăm chín mươi ba ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003895 ngày 16/6/2023.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Tuyết